

Bản án số: 208/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Năm
Bà Lê Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc K, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2020, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần Ngọc K trình bày:

Anh Trần Ngọc K và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn do UBND xã L cấp năm 2015. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, bất. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị N.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N xác định: Chị và anh Trần Ngọc K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã L cấp năm 2015. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, bất hòa. Tuy nhiên, hiện chị N đang mang thai nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được về đoàn tụ.

Về con chung: Anh Trần Ngọc K và chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có một

con chung là cháu Trần Thị Mỹ N, sinh ngày 21/12/2016 và hiện tại chị N đang mang thai cháu thứ hai.

Quan điểm của anh K: Anh K nhường quyền trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Mỹ N cho chị N.

Quan điểm của chị N: Chị N không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án không giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh Trần Ngọc K và chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất 100m² tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 32 (196596-1-c) bản đồ địa chính xã T lập năm 2015 (Lô số 28 – MBQH-UBND ngày 14/4/2017 của UBND huyện H tại Thôn Th, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ740903 ngày 20/12/2018 đứng tên Trần Ngọc K và Nguyễn Thị N và tài sản chung khác là tiền và vàng trị giá 120.000.000đ.

Quan điểm của anh K: Trước khi khởi kiện ra Tòa án, anh K và chị N đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng, cụ thể: Anh K toàn quyền sở hữu đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất, chị N toàn quyền sở hữu các tài sản gồm tiền và vàng. Nay anh yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của anh chị.

Quan điểm của chị Nguyễn Thị N: Chị không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án không giải quyết chia tài sản chung vợ chồng chị.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh việc chị đang mang thai. Tòa án cũng đã tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của anh Trần Ngọc Khánh, anh K cũng công nhận hiện chị N đang mang thai con thứ hai của anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh Trần Ngọc K.

Về án phí: Đề nghị buộc anh Trần Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Trần Ngọc K làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị N và xin được nuôi con, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - chị N có địa chỉ tại xã L, huyện H,

tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên tòa lần thứ nhất, ngày 17/6/2020, chị Nguyễn Thị N vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa đồng thời tổng đạt ngay quyết định hoãn phiên tòa cho chị N. Tại phiên tòa lần thứ hai, chị N lại vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và Anh Trần Ngọc K tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã L năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh K đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị N. Chị N cũng xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm nên từ cuối năm 2018 đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, va chạm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị N phát hiện mình có thai nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được về đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận định: Chị N hiện đang mang thai nên theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, đây là trường hợp người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn. Vì vậy có đủ cơ sở để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Ngọc K.

[2.2]. Về các yêu cầu khác: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét các yêu cầu khác trong đơn khởi kiện của anh Trần Ngọc K.

[2.3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Ngọc K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc K đối với chị Nguyễn Thị N. Anh K, chị N về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Về án phí: Anh Trần Ngọc K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

về ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0009826 ngày 16/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Anh K đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân